



xián liáo

闲聊

verb · to chat casually

Example Sentences

Wǒ men xǐ huān zài wǔ xiū shí xián liáo jǐ jù
我们喜欢在午休时闲聊几句。

We like to chat a few words during lunch break.

Tā men zuò zài gōng yuán de cháng yǐ shàng xián liáo le yī xià wǔ
他们坐在公园的长椅上闲聊了一下午。

They sat on a park bench and chatted casually all afternoon.

Trace each character, then write the word on your own.

闲	闲	闲	闲	闲	闲	闲	闲	闲	闲	
聊	聊	聊	聊	聊	聊	聊	聊	聊	聊	聊
聊	聊	聊								